ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Đạt 100%				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo quy định của Bộ GD-ĐT	Theo quy định của Bộ GD-ĐT	Theo quy định của Bộ GD-ĐT	Theo quy định của Bộ GD-ĐT	Theo quy định của Bộ GD- ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Bình Tân, ngày 31 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.BÌNH TÂN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

Phạm Thị Thu Hằng

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**2082**	**442**	**407**	**395**	**442**	**396**
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	**1641**	442	407	395	219	178
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất**						
1	*Đạt (tỷ lệ so với tổng số)*	**2082**	**442**	**407**	**395**	**442**	**396**
			100%	100%	100%	100%	100%
2	*Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)*	**0**	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**						
1	*Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)*	**2072**	438	405	393	440	396
		99,52	99,10	99,51	99,49	99,55	100,00
2	*Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)*	**10**	4	2	2	2	**0**
		0,48	0,90	0,49	0,51	0,45	0,00
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) -có HSKT	**2076**	439	405	395	441	396
		99,71	99,32	99,51	100,00	99,77	100,00
a	*Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng)*	**1447**	341	267	276	294	269
		69,50	77,15	65,60	69,87	66,52	67,93
b	*HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)*	**73**	13	9	17	27	7
		3,51	2,94	2,21	4,30	6,11	1,77
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**6**	3	2	0	1	0
		0,29	0,68	0,49	0,00	0,23	0,00

Bình Tân, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hằng

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	47/52	Số 0,9m²/ học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	47	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	**Số điểm trường lẻ**	0	
IV	**Tổng diện tích đất** (m²)	9119	Số 4,30m²/ học sinh
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m²)	1180	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	3226	
1	Diện tích phòng học (m²)	56	
2	Diện tích thư viện (m²)	202	
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng) (m²)*	0	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)*	0	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)*	168	
6	*Diện tích phòng học tin học (m²)*	112	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)*	56	
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)*	0	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)*	56	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	55	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	14	
1.1	Khối lớp 1	14	
1.2	Khối lớp 2	0	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	

Scanned with CamScanner

1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	41	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	10	
2.3	Khối lớp 3	10	
2.4	Khối lớp 4	11	
2.5	Khối lớp 5	10	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	122	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		
1	Ti vi	48	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...(bảng tương tác)	10	
6	.....		

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	112
XI	**Nhà ăn**	336

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	/	/	/
XIII	**Khu nội trú**	/	/	/

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12	0	12	0	216
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

Scanned with CamScanner

(Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Bình Tân, ngày 31 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.BÌNH TÂN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

Phạm Thị Thu Hằng

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2023 – 2024

Chức danh	SL	Nữ	Trình độ CM				Chính trị		Đoàn TNCS	Tin học				Ngoại ngữ				Ghi chú
			Th.sĩ	ĐH	CĐ	TH	Đảng	TC		A	B	UDCNTT	CĐĐH	A	B/A2	B1	CĐĐH	
1/ CBQL	**3**	**3**	**2**	**1**			**3**	**3**		**2**		**1**				**3**		
- Hiệu trưởng	1	1	1				1	1		1						1 B1		
- P.Hiệu trưởng	2	2	1	1			2	2		1		1				2 B1		
2/ GIÁO VIÊN	**68**	**56**	**1**	**61**	**6**		**21**	**21**	**34**	**10**	**14**	**44**	**0**	**2**	**45**	**15**	**5**	
- Chủ nhiệm lớp	57	52		54	4		18	18	31	7	11	39		2	6 A2 1 C 34 B	2 Toeic 11 B1		
- Dạy Âm Nhạc	1			1							1				1B			
- Dạy Mỹ thuật	1			1						1					1B			
- Dạy Thể dục	4		1	3			1	1	1	1		3			2B	2B1		
- Dạy Tin học	0			0									0		0			
- Dạy TA	5	4		2	2		2	2	2	1	2	2					2 CĐ 3ĐH	
- TPT																		
3/ NV	**5**	**3**		**3**	**1**	**1**				**1**	**2**	**1**	**1**		**5**			
- Kế toán	1	1		1							1				1B			
- TV – TB	1					1						1			1B			
- Văn thư	1	1		1							1				1B			
- Thủ quỹ	1	1		1						1					1B			
- CNTT	1				1								1		1B			

Bình Tân, ngày 30 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hằng

Scanned with CamScanner

Biểu 21 - Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/20217 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÀI CHÍNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
NĂM HỌC: 2023-2024

STT	NỘI DUNG THU	Đơn vị tính	Mức thu/HS	Số lượng học sinh	Dự kiến mức thu của năm học 2023 - 2024	Ghi chú
I	**Các khoản thu PV cho HĐGD ngoài giờ học chính khóa:**				**8.175.024.000**	
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	tháng	140.000	178	224.280.000	
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	tháng	46.000	1.043	431.802.000	
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	tháng	11.000	221	21.879.000	
4	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	tháng	550.000	323	1.598.850.000	
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	180.000	1.573	2.548.260.000	
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	90.000	221	179.010.000	
7	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	tháng	17.000	865	132.345.000	
8	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	tháng	34.000	178	54.468.000	
9	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	tháng	90.000	1.670	1.352.700.000	
10	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	tháng	80.000	1.401	1.008.720.000	
11	Tiền tổ chức Học bơi	tháng	170.000	407	622.710.000	
II	**Các khoản thu PV cho HĐGD thực hiện theo các Đề án:**				**846.450.000**	
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	tháng	150.000	627	846.450.000	
III	**Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú:**				**6.185.745.000**	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	tháng	310.000	1.361	3.797.190.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	năm	195.000	1.361	2.388.555.000	
IV	**Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh :**				**2.157.939.000**	
1	Học phẩm	năm	24.000	2.117	50.808.000	
2	Tiền suất ăn trưa bán trú	ngày	35.000	1.361	952.700.000	

Scanned with CamScanner

3	Tiền nước uống/tháng/hs	tháng	20.000	1.670	267.200.000	
4	Tiền nước uống/tháng/hs	tháng	10.000	447	35.760.000	
5	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	năm	25.000	2.117	52.925.000	
6	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	tháng	15.000	1.517	182.040.000	
7	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	tháng	7.000	46	2.576.000	
8	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	15.000	2.117	254.040.000	
9	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	160.000 đến 200.000 đ/1 bộ	170	2.117	359.890.000	
III	**Tổng thu năm**				**20.945.158.000**	
1	Từ ngân sách (gồm KP thường xuyên, KP không thường xuyên, tăng thu nhập theo NQ03+NQ08, KP cải cách tiền lương)	đồng			3.580.000.000	Từ T01/2024 đến T05/2024
2	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh :	đồng			8.175.024.000	Dự kiến NH23-24
3	Các khoản thu PV cho HĐGD thực hiện theo các Đề án:	đồng			846.450.000	Dự kiến NH23-24
4	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú:	đồng			6.185.745.000	Dự kiến NH23-24
5	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh :	đồng			2.157.939.000	Dự kiến NH23-24

Ngày 15 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.BÌNH TÂN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC HỒNG

Phạm Thị Thu Hằng

Scanned with CamScanner